

PHỤ LỤC 4. Sửa đổi mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu đất đai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai			80%	20%			Trung tâm công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường; VPĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thành phố, thị xã
1	Bản đồ địa chính							
a	Trích lục thửa đất							
	- Đối với 1 thửa đất							
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	thửa	97.000					
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	130.000					
	- Đối với 1 khu đất dưới 5 thửa đất							
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	78.000					
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	thửa	104.000					
	- Đối với 1 khu đất trên 5 thửa đất							
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	thửa	63.000					
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	thửa	85.000					

Phụ lục 5. Sửa đổi, bổ sung danh mục thu, mức thu phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			80%	VPĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào ngân sách tỉnh			VPĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, thành phố, thị xã
1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng							
1.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện							
a	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	400.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	300.000					
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định	1 hồ sơ						

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
b	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	800.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.400.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.000.000					
	- Khu vực còn lại							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	700.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.300.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	1.900.000					
1.2	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh							
a	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	900.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.500.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.100.000					
b	- Khu vực còn lại							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	800.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.400.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.000.000					

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
	Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng thì từ thửa thứ 2 tính bằng 60% thửa thứ 1	Hồ sơ/thửa đất						
2	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu							
2.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện							
a	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	850.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000					
b	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.100.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.700.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.300.000					
	- Khu vực còn lại							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.000.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.600.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.200.000					

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
2.2	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh							
a	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.200.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.800.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.400.000					
b	- Khu vực còn lại							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.100.000					
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.700.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.300.000					
3	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN quyền sử dụng đất hoặc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng							
3.1	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	350.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	250.000					
3.2.	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	800.000					

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000					
3.3	<i>Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định</i>	<i>1 Hồ sơ</i>						
4	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN đồng thời quyền sử dụng đất và tài sản trên đất							
4.1	<i>Đất hộ gia đình, cá nhân</i>							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	450.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	350.000					
4.2	<i>Đất tổ chức</i>							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.100.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.000.000					
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định							

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
5	Phí thẩm định hồ sơ chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất							
5.1	<i>Phí thẩm định hồ sơ chứng nhận biến động về quyền sử dụng đất hoặc về tài sản gắn liền với đất trong trường hợp được cấp GCN mới quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>							
a	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	550.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	450.000					
b	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.600.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.500.000					
5.2	<i>Phí thẩm định hồ sơ chứng nhận biến động đồng thời về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp được cấp mới GCN quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</i>							

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, thị xã	Xã, phường, thị trấn	
a	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	900.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	800.000					
b	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	2.000.000					
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.900.000					
5.3	Trường hợp xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	1 Hồ sơ	Bằng 80% mức thu quy định tại số thứ tự I.5.1 và I.5.2 nêu trên					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG